

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai giao dự toán năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 402/QĐ-PGD ngày 29/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường Mầm Non Mường Anh;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách năm 2025 của trường Mầm Non Mường Anh (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán trường Mầm Non Mường Anh, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT
- Website THMA
- Lưu KT, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Phìn Thị Dang**

Đơn vị: Trường Mầm Non Mường Anh  
Chương: 622

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số  
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018  
của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 143/QĐ-MNM/ ngày 31/12/2024 của trường Mầm Non Mường Anh)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán được giao |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------|
| I     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí      |                   |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                               |                   |
| 1.1   | Lệ phí                                           |                   |
| 1.2   | Phí                                              |                   |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại                 |                   |
| 2.1   | Chi sự nghiệp .....                              |                   |
| 2.2   | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 3     | Số phí, lệ phí nộp NSNN                          |                   |
| 3.1   | Lệ phí                                           |                   |
| 3.2   | Phí                                              |                   |
| II    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>            | <b>7.157,040</b>  |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |                   |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                 |                   |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ           |                   |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                              |                   |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề        | 7.157,040         |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 6.930,730         |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 226,310           |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |                   |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |                   |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |                   |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |                   |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                   |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |                   |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                   |
| 11    | Chi Chương trình mục tiêu                        |                   |